

BÁO CÁO

Tình hình quản lý, sử dụng và công khai tài sản công năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 97/VBHN-VPQH ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội về Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Trung tâm) báo cáo Tình hình quản lý, sử dụng và công khai tài sản công năm 2025 như sau:

1. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG NĂM 2025

Trung tâm đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và công cụ, dụng cụ theo Quyết định số 1982/QĐ-QPAN ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định số 1222/QĐ-QPAN ngày 31 tháng 7 năm 2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của Trung tâm. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức thực hiện thống nhất công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài sản công trong toàn đơn vị. Công tác quản lý tài sản được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; chế độ thông tin, báo cáo được duy trì đầy đủ, kịp thời; việc kiểm kê, thanh lý tài sản được tổ chức công khai, minh bạch, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Trung tâm đã triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Tài sản là nhà

Từ năm 2014 đến năm 2023, Trung tâm đã được Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) giao quản lý, khai thác tổng cộng 07 tòa nhà thuộc Ký túc xá số 4 tại Hòa Lạc, gồm các tòa D1, D2, D3, D5, D7, D8 và nhà ăn D4. Cụ thể, theo Quyết định số 4597/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 12 năm 2014, Trung tâm được giao quản lý, khai thác các công trình D2, D3, D4, D5 và hạ tầng kỹ thuật phía Nam và Quyết định số 1606/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 5 năm 2023, Trung tâm được giao tiếp nhận, quản lý và khai thác các công trình D1, D7, D8 thuộc Ký túc xá số 4. Đến năm 2025, Trung tâm tiếp nhận bàn giao giá trị tài sản đối với các tòa nhà D1, D2, D3, D4, D5 và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phía Nam thuộc Ký túc xá số 4 theo Công văn số 79/CV-QLDA ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ban Quản lý dự án ĐHQGHN tại Hòa Lạc để quản lý, sử dụng và hạch toán theo quy định. Trên cơ sở giá trị tài sản được bàn giao, Trung tâm đã thực hiện ghi tăng tài sản cố định, cập nhật đầy đủ thông tin trên sổ kế toán theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và chế độ kế toán hiện hành.

Trong năm 2025, Trung tâm đã hoàn thành nhiệm vụ “Xây dựng Hội trường đa năng nhà D2 và tường bao phần giáp tuyến đường vành đai vị trí khu Ký túc xá số 4” và

nhiệm vụ “Sửa chữa Nhà D2, ký túc xá số 4, Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc” bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước thường xuyên không tự chủ, nguồn trích chuyển quản lý phí do ĐHQGHN cấp và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

1.2. Tài sản là xe ô tô

Trung tâm đã thực hiện mua sắm 01 xe ô tô 18 chỗ hiệu Ford Transit từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo chủ trương được ĐHQGHN phê duyệt tại Công văn số 1594/ĐHQGHN-TC&ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2025, qua đó bổ sung phương tiện phục vụ hoạt động chuyên môn và công tác quản lý của đơn vị.

Bên cạnh việc đầu tư, bổ sung tài sản, Trung tâm cũng thực hiện sắp xếp, xử lý tài sản đã hỏng, hết giá trị sử dụng. Theo Quyết định số 2946/QĐ-ĐHQGHN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của ĐHQGHN, Trung tâm đã hoàn thành việc thẩm định giá, tổ chức đấu giá và thanh lý 01 xe ô tô Toyota biển kiểm soát 31A-6538, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành.

1.3. Tài sản là máy móc, thiết bị

Trong năm 2025, Trung tâm đã thực hiện mua sắm mới 06 danh mục máy móc, thiết bị từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, đào tạo và phục vụ các hoạt động thường xuyên của đơn vị.

Bên cạnh việc đầu tư, bổ sung tài sản, Trung tâm đã thực hiện rà soát, xử lý các tài sản, công cụ dụng cụ, quân trang đã hỏng hoặc đã hết giá trị sử dụng. Theo Quyết định số 1934/QĐ-QPAN ngày 21 tháng 11 năm 2025, Trung tâm đã tổ chức thanh lý 01 đợt công cụ, dụng cụ và quân trang, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành.

1.4. Báo cáo kê khai tài sản công và đăng nhập thông tin lên phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công

Trung tâm đã hoàn thành công tác tổng kiểm kê và nhập liệu trên phần mềm tổng kiểm kê, gửi ĐHQGHN đảm bảo thời gian theo quy định theo chỉ đạo của ĐHQGHN tại Công văn số 6411/ĐHQGHNTC&ĐT ngày 22 tháng 12 năm 2025.

2. Công khai tài sản

Thực hiện Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2.1. Trung tâm công khai tài sản công năm 2025 (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025) với các nội dung công khai cụ thể sau:

- Công khai việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2025 theo mẫu 04a-CK/TSC;
- Công khai tình hình sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức đơn vị năm 2025 theo mẫu 04b-CK/TSC;
- Công khai tình hình xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2025 theo mẫu 04c-CK/TSC;
- Công khai tình hình khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị năm 2025 theo mẫu 04d-CK/TSC.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

2.2. Hình thức công khai: đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm.

2.3. Thời gian công khai: 30 ngày.

Trung tâm trân trọng báo cáo. / *Sgk*

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Các Phó Giám đốc (để c/đ);
- Website của Trung tâm;
- Lưu: VT, HCTH, B06.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Đăng

Phụ lục 01

CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TÀI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 2259/BC-QPAN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

Sst	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm				6.621.578.088				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp				4.646.223.408				
1.1	Đất								
1.2	Nhà								
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác				4.646.223.408				
	Hội trường đa năng nhà D2 (Bao gồm Hội trường đa năng nhà D2; phần tường bao; nhà trạm bơm PCCC)	Nhà	1	Không	4.646.223.408	Đầu thầu rộng rãi	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Mê Kông		
2	Xe ô tô				1.121.226.680				
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh								
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung				1.121.226.680				
-	Ô tô 18 chỗ Ford Transit	Ô tô	1	Ford	1.121.226.680	Đầu thầu rộng rãi	Công ty TNHH Một Thành viên Kinh doanh Ô tô Thanh Xuân		
2.3	Xe ô tô chuyên dùng								
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước								
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)								
4	Máy móc, thiết bị				854.128.000				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh								

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, chuyển mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (đồng)	Ghi chú
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung				627.178.000				
-	Máy chiếu Epson	Cái	2	Epson	44.980.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Kỹ nghệ Phúc Anh		
-	Màn hình LED tại phòng họp	Cái	1	Zhanxin	136.598.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Kỹ thuật và Công nghệ Hưng Thịnh		
-	Màn hình LED tại sân khấu	Cái	1	Zhanxin	331.900.000	Đấu thầu rộng rãi	Công ty TNHH Kỹ thuật và Công nghệ Hưng Thịnh		
-	Bàn làm việc tại phòng họp	Cái	1	Không	14.700.000	Chỉ định thầu	Công ty Cổ phần IDP Quốc tế		
-	Máy photocopy	Cái	1	Fuji Xerox	99.000.000	Chỉ định thầu	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Đầu tư Kinh Bắc		
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng				226.950.000				
-	Máy bán tạp	Cái	1	Cục Quản huấn - Bộ Quốc phòng	226.950.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư Thương Mại Sao Vàng		
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm								
6	Tài sản cố định đặc thù								
7	Tài sản cố định hữu hình khác								
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)								
II	Tài sản giao mới								
III	Tài sản di thuê								
IV	Tài sản nhận điều chuyển								
	Tổng cộng				6.621.578.088				

Phụ lục 02
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 2259/BC-QPAN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp			220.486.005.329	164.352.871.710					
I.1	Đất		44.027							
I.2	Nhà			182.356.408.932	149.331.488.448					
-	Công trình nhà D2	1	1.345	28.598.441.526	22.306.784.390	X				
-	Công trình nhà D3	1	840	17.206.271.757	13.420.891.970	X				
-	Công trình nhà D5	1	1.345	29.030.430.483	22.643.735.777	X				
-	Công trình nhà D4	1	910	11.433.240.736	6.402.614.812	X				
-	Công trình nhà D7.1; D7.2; D8.1; D8.2	1	1.860	61.500.000.000	54.120.000.000	X				
-	Công trình nhà D1	1	731	34.588.024.430	30.437.461.498	X				
I.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác			38.129.596.397	15.021.383.262					
-	Công trình hạ tầng phía Nam khu KTX số 4	1		18.638.003.818	0	X				
-	Sân thể thao đa năng	1		377.462.616	301.970.093	X				
-	Siêu thị mini	1		1.467.001.000	1.173.600.800	X				
-	Hội trường đa năng nhà D5	1		2.855.310.965	2.427.014.320	X				
-	Nhà để xe	1		1.641.269.690	1.395.079.237	X				
-	Bể nước ngầm	1		747.431.553	635.316.820	X				
-	Hàng rào bảo vệ	1		1.065.906.236	906.020.301	X				
-	Sân bóng đá mini	1		1.409.919.660	1.127.935.728	X				
-	Cầu tạo nhà D2, D3, D5, sân bóng, sân chào cờ và các TS, CCDC kèm theo (Λ380)	1		5.281.067.451	2.640.533.726	X				
-	Hội trường đa năng nhà D2 (Bao gồm 1 hội trường đa năng nhà D2; phần tường bao, nhà trạm bơm PCCC)	1		4.646.223.408	4.413.912.239	X				
2	Xe ô tô			2.024.420.680	1.844.232.120					

[illegible]

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
-	Máy in chung chi	1		13.130.000	0	X				
-	Máy tính Dell Optiplex Core i7	1		14.701.500	0	X				
-	Máy tính xách tay Lenovo Yoga 900/Hãng CPU: Intel	1		37.850.000	0	X				
-	Máy tính xách tay Dell XPS 13	1		36.880.000	0	X				
-	9630 Core i5	1		29.600.000	0	X				
-	Máy ảnh	1		24.350.000	0	X				
-	Thiết bị trung tâm TQA TS- 780	1		61.460.000	0	X				
-	Máy photo copy kyocera	1		19.704.000	0	X				
-	Máy điều hòa 24.000BTU	1		17.670.000	0	X				
-	máy chiếu Casio XJ - V2	1		13.032.000	0	X				
-	máy tính bàn intel core i3-4150	1		90.615.000	0	X				
-	Dàn âm thanh phòng họp	1		14.400.000	0	X				
-	Máy tính xách tay HP 15-da1024TU Core i5-8265U	1		14.950.000	0	X				
-	Máy tính xách tay HP 15-da0035TX Core i5-8265U	1		10.197.000	0	X				
-	Máy tính xách tay Dell 3567C- P63F002 Core i3	1		10.197.000	0	X				
-	Máy tính xách tay Dell 3567C- P63F002 Core i3	1		14.135.000	0	X				
-	Máy tính để bàn Dell Optiplex Core i7 + Màn hình Dell SE2719H-27	1		72.600.000	3.630.000	X				
-	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 3555	1		19.460.000	0	X				
-	Máy tính để bàn Dell Optiplex + màn hình máy tính để bàn Dell	1		11.490.000	766.000	X				
-	Máy tính xách tay Acer Aspire A315 57G	1		11.490.000	766.000	X				
-	Máy tính xách tay Acer Aspire A315 57G	1		19.590.000	1.632.500	X				
-	Máy tính xách tay HP Probook 440 G8 2Z6J3PA	1		11.690.000	974.167	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		11.690.000	1.169.000	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		11.690.000	1.169.000	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		11.690.000	1.169.000	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		11.690.000	1.169.000	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		11.690.000	1.169.000	X				
-	Máy tính xách tay HP 240 G8	1		10.800.000	4.050.000	X				
-	Điều hòa 1 chiều 12.000 BTU DaiKin	1		36.575.000	2.438.333	X				
-	Máy tính xách tay macbook pro 13 inch	1								

3

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
6	Tài sản cố định đặc thù			161.600.000	36.421.800					
7	Tài sản cố định hữu hình khác			15.000.000	0	X				
-	Bàn ghế tiếp khách phòng giám đốc	1		10.000.000	0	X				
-	Bàn ghế tiếp khách phòng phó giám đốc	1		10.000.000	0	X				
-	Bàn ghế tiếp khách phòng phó giám đốc	1		17.248.000	0	X				
-	Bàn phòng họp	1		20.000.000	0	X				
-	Bộ bàn ghế phòng khách	1		13.860.000	5.197.500	X				
-	Tủ tài liệu lãnh đạo S66-05A	1		12.408.000	4.653.000	X				
-	Bàn lãnh đạo Sonic S24-13	1		48.384.000	13.708.800	X				
-	Mái xếp di động	1		14.700.000	12.862.500	X				
-	Bàn làm việc tại phòng họp	1								
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)			15.000.000	0					
-	Trang Website của Trung tâm	1		15.000.000	0	X				
	Tổng số	112		225.199.957.509	167.102.398.631					

Phụ lục 03
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 2259/BC-QPAN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

[illegible]

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)	Chi phí xử lý tài sản (đồng)	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao					Xử lý khác
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
9	Tài sản là công cụ dụng cụ												9.620.000	4.420.000		
9.1	Công cụ dụng cụ thanh lý						X						9.620.000	4.420.000		
9.2	138 bộ tư và bán học kèm giá sách					X									Điều chuyển sang cho Trung tâm Quản lý đồ thi đại học	
	Tổng cộng		458.679.000										27.620.000	12.664.160		

Phụ lục 04
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TÀI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 2259/BC-QP-AN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm (đồng)	Chi phí (QLP nộp về VNU)	Số tiền nộp ngân sách nhà nước (thuế GTGT và TNDN)	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp		3.681	2.876.920.660	2.301.536.528					3.681				2.876.583.860	57.531.677	287.658.386	2.531.393.797
1.1	Dất																
1.2	Nhà																
1.3	Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác		3.681	2.876.920.660	2.301.536.528					3.681				2.876.583.860	57.531.677	287.658.386	2.531.393.797
-	Siêu thị mini	1	150	1.467.001.000	1.173.600.800					150	Cho thuê			144.760.000	2.895.200	14.476.000	127.388.800
-	Sân bóng đá mini	1	3.500	1.409.919.660	1.127.935.728					3.500	Cho thuê			66.314.000	1.326.280	6.631.400	58.356.320
-	Công trình nhà D2 (Nhà giặt là diện tích 31,08m2)	1	31,08							31,08	Cho thuê			88.119.360	1.762.387	8.811.936	77.545.037
-	Nhà ăn D4	1	910	11.433.240.736	6.402.614.812					910	Cho thuê			2.577.390.500	51.547.810	257.739.050	2.268.103.640
2	Xe ô tô																
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh																
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung																
2.3	Xe ô tô chuyên dùng																
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước																
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)																
4	Máy móc, thiết bị																
3.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh																
3.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung																
3.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
4	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
5	Tài sản cố định đặc thù																
6	Tài sản cố định hữu hình khác																
7	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)																
	Tổng cộng		3.681	2.876.920.660	2.301.536.528					3.681				2.876.583.860	57.531.677	287.658.386	2.531.393.797

